

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HS-PT
Ngày: 09-9-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Phụng

Bà Hoàng Thị Thuý Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hữu Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo: **Văn Phước Đ**, sinh ngày 30/12/1992, tại huyện T, tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Phước T và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ tên là Trần Thị G (nhưng đã ly hôn năm 2022) và có 01 người con, sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 08/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 07 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/4/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 31/12/2021, bị Công an huyện M, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 31/12/2021 về “Hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” với số tiền 3.500.000đ, đã đóng phạt ngày 14/01/2022; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 28/12/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Văn Phước Đ: Luật sư Trần Vĩnh P, thuộc Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt)

Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 18/12/2023, lực lượng Công an huyện T phối hợp cùng Công an xã B, huyện T, tỉnh Long An bắt quả tang Nguyễn Minh T1 nhận tiền bảo kê với số tiền 4.000.000 đồng của anh Võ Minh P1, chị Huỳnh Thị T2 (vợ anh P1) là chủ “Đoàn trò chơi P” tại Trung tâm Văn hóa xã B, thuộc ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Tạm giữ tang vật gồm: Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 62E1-296.02; 01 điện thoại di động hiệu S A21S.

Qua điều tra xác định được: Vào ngày 29/11/2023, anh P1, chị T2 là chủ “Đoàn trò chơi P” đến Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An nộp đơn xin phép được tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại Trung tâm Văn Hóa xã B, thuộc ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Đến ngày 01/12/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An ký kết hợp đồng số 30/HĐ-UBND ngày 01/12/2023 về việc cho phép “Đoàn trò chơi P” tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023 tại Trung tâm văn Hóa xã B. Đến ngày 02/12/2023, Văn Phước Đ sau khi biết tin “Đoàn trò chơi Phước H” về hoạt động vui chơi giải trí tại Trung tâm Văn hóa xã B nên Đ nảy sinh ý định thu tiền bảo kê của chủ “Đoàn trò chơi P”, để tiêu xài cá nhân. Đến khoảng hơn 17 giờ ngày 02/12/2023, Văn Phước Đ rủ Trần Minh T3, Hoàng Quốc H1, Vũ Thành D, Trương Hoài K cùng đến “Đoàn trò chơi P” tại Trung tâm Văn hóa xã B, huyện T để nhậu, khi đến nơi lúc này, anh P1, chị T2 đang chuẩn bị việc khai trương hoạt động vui chơi giải trí tại Trung tâm văn Hóa xã B, thì Đ kêu anh P1 dọn bàn ra cho Đ để Đ nhậu (uống bia) cùng T3, D, H1, K, do lo sợ Đ gây sự nên P1 đồng ý dọn 01 bàn cho Đ nhậu. Khoảng 05 phút sau, Đ kêu anh P1 vào ngồi chung bàn gần với Đ, Đ nói với P1 là “Mày về đây sao không báo cho tao”, mục đích để gây áp lực, uy hiếp tinh thần anh P1, Đ nói với P1 “Mỗi đêm hát ở đây phải đưa cho Đ số tiền 500.000 đồng”, nghĩa là đưa tiền bảo kê cho Đ mỗi đêm là 500.000 đồng, P1 lo sợ nếu không đồng ý, Đ sẽ gây khó khăn, cản trở hoạt động kinh doanh của “Đoàn trò chơi Phước H” nên buộc phải đồng ý. Đến ngày 09/12/2023, anh P1, chị T2 vẫn chưa đưa tiền bảo kê cho Đ nên Đ sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO F11Pro, màu tím, gắn sim số 0978.906.909 liên lạc cho anh P1 nhắc về việc đưa tiền bảo kê cho Đ, P1 không muốn đưa tiền cho Đ nên trả lời “thu thì thu”, Đ chửi P1 “Mày láo L”, đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc anh P1, chị T2 phải đưa tiền bảo kê cho Đ, sau khi nghe Đ chửi P1 sợ nên đưa điện thoại cho chị T2 nghe, năn nỉ Đ bỏ qua, sau đó Đ kêu chị T2 đóng tiền bảo kê 04 đêm với số tiền là 2.000.000 đồng, chị T2 lo sợ nếu không đưa tiền, Đ sẽ gây khó khăn, cản trở hoạt động của kinh doanh của “Đoàn trò chơi Phước H” nên buộc phải đồng ý. Sau đó, Đ điện thoại liên lạc qua Zalo của T3 đăng kí trên sim số 0356.353.367, kêu T3 đi đến Đoàn vui chơi tại Trung tâm Văn hóa xã B, huyện T nhận tiền bảo kê với số tiền 2.000.000 đồng cho Đ,

Đ nhắn tin cho T3 số điện thoại của anh P1 số 0966.131.848 kêu T3 khi đến nơi thì liên lạc số điện thoại trên để lấy 2.000.000 đồng tiền bảo kê cho Đ. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, T3 điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, màu trắng, biển số 62N6-1558 chạy đi lấy tiền cho Đ, trên đường đi thì T3 nhìn thấy Trần Văn Tuấn C (bạn T3) đang đứng trước nhà của C nên T3 rủ C cùng đi uống cà phê, C đồng ý. T3 điều khiển xe mô tô chở C ngồi phía sau đi đến Trung tâm văn hóa xã B, huyện T. Khi đến nơi T3 xuống xe mô tô, còn C vẫn ngồi trên xe mô tô, T3 điện thoại liên lạc vào số điện thoại mà Đ cho T3 trước đó và nói “Anh Đ kêu tôi ra lấy tiền bảo kê chị ơi”, sau đó chị T2 đem số tiền 2.000.000 đồng ra đưa cho T3, T3 điều khiển xe mô tô chở C ngồi phía sau đến gặp và đưa cho Đ số tiền 2.000.000 đồng ở lộ trước nhà của Đ, Đ rút ra tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho T3 để trả công nhưng T3 không lấy. Sau đó, T3 điều khiển xe mô tô chở C cùng đi uống cà phê tại xã B, huyện T.

Đến chiều ngày 18/12/2023, Đ cùng với ông Văn Phước T (cha ruột Đ), ông H2 (cậu ruột Đ), Nguyễn Minh T1 uống bia tại nhà Đ. Sau khi uống bia xong, T1 rủ Đ đến xã B, huyện T, tỉnh Long An tiếp tục uống bia và hát Karaoke, Đ đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu trắng, biển số 62E1-296.02 chở T1 ngồi phía sau cùng đi từ nhà Đ ở ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đến xã B, huyện T, tỉnh Long An. Trên đường đi, khi Đ điều khiển xe mô tô đến cầu K, thuộc xã B, huyện T, tỉnh Long An thì Đ dừng xe mô tô lại và bước xuống xe mô tô, Đ kêu T1 điều khiển xe mô tô vào Đoàn vui chơi tại Trung tâm văn hóa xã B, huyện T gặp chủ đoàn lấy số tiền 4.000.000 đồng cho Đ, lúc này T1 biết rõ Đ thu tiền bảo kê của đoàn vui chơi tại Trung tâm Văn hóa xã B, do trước đó T1 có nghe một số người bạn nói cho T1 biết về việc Đ có thu tiền bảo kê tại đây, T1 đồng ý đi lấy tiền bảo kê cho Đ, sau đó T1 một mình điều khiển xe mô tô đến Đoàn vui chơi tại Trung tâm văn hóa xã B, huyện T, còn Đ đứng đợi ở cầu K. Khi T1 đến nơi thì tìm gặp hỏi chủ Đ1 và gặp được anh P1 hỏi lấy số tiền bảo kê 4.000.000 đồng cho Đ, anh P1 kêu T1 đứng đợi và điện thoại liên lạc cho Đ, thì Đ xác nhận với anh P1 là T1 đến lấy tiền bảo kê cho Đ. Sau đó, anh P1 lấy số tiền 4.000.000 đồng đưa cho T1, T1 lấy tiền bỏ vào túi quần thì bị lực lượng Công an huyện T phối hợp Công an xã B bắt quả tang, thu giữ tang vật như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKSTT ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Văn Phước Đ và các bị cáo khác phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố các bị cáo: Văn Phước Đ, Trần Minh T3, Nguyễn Minh T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Văn Phước Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 12/6/2024, bị cáo Văn Phước Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Văn Phước Đ thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu, Tòa án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Văn Phước Đ đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú và đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.000.000 đồng đã chiếm đoạt để hoàn trả lại cho anh P1, chị T2. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ tự nguyện đầu thú, có cha ruột tên là Văn Phước T tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị hại cũng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Văn Phước Đ 01 năm 09 tháng tù là có căn cứ.

Bị cáo Văn Phước Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo đã ly hôn, bị cáo nuôi con nhỏ, có bà ngoại được nhà nước tặng thưởng huy chương hạng nhì, cha bị cáo đang bị bệnh, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều

357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ, cải sửa một phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, xử phạt bị cáo Văn Phước Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023. Bị cáo Văn Phước Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Văn Phước Đ phát biểu ý kiến: Thống nhất với điều luật và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Đ. Trong quá trình xét xử, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo tự nguyện đầu thú và hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả với bị hại và được bị hại ý kiến giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ly hôn, bị cáo nuôi con nhỏ, có bà ngoại được nhà nước tặng thưởng huy chương hạng nhì, cha bị cáo đang bị bệnh, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như lời đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo không tranh luận

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/12/2023, bị cáo Đ đã có hành vi đe dọa vợ chồng anh P1, chị T2 (chủ Đoàn trò chơi P3) để thu tiền bảo kê mỗi đêm là 500.000 đồng khi Đoàn trò chơi P3 về tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại Trung tâm văn hóa xã B từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023. Thực tế là ngày 09/12/2023, bị cáo Đ đã liên lạc qua điện thoại với anh P1 để tiếp tục đe dọa, nhắc nhở việc phải nộp tiền bảo kê, sau đó bị cáo Đ đã kêu bị cáo T3 đến gặp chị T2 để lấy số tiền bảo kê 2.000.000 đồng về đưa cho bị cáo Đ. Đến ngày 18/12/2023, bị cáo Đ tiếp tục kêu bị cáo T1 đến gặp anh P1 để thu tiếp 4.000.000 đồng tiền bảo kê thì bị bắt quả tang. Điều đó, chứng tỏ các bị cáo Văn Phước Đ, Trần Minh T3, Nguyễn Minh T1 đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của anh P1, chị T2 nhằm chiếm đoạt tài sản là tiền. Hành vi của các bị cáo

Văn Phước Đ, Trần Minh T3, Nguyễn Minh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cuồng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, và tự nguyện nộp lại số tiền 2.000.000 đồng đã chiếm đoạt để hoàn trả lại cho bị hại. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có cha ruột tên là Văn Phước T tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị hại cũng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Văn Phước Đ 01 năm 09 tháng tù là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ly hôn, bị cáo nuôi con nhỏ, có bà ngoại được nhà nước tặng thưởng huy chương hạng nhì, cha bị cáo đang bị bệnh, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ, cải sửa một phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đối với bị cáo Văn Phước Đ

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Văn Phước Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Phước Đ.

Sửa một phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Tuyên bố: Bị cáo Văn Phước Đ phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Văn Phước Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021: Tiếp tục tạm giam bị cáo Văn Phước Đ 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (09/9/2024) để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Văn Phước Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (03b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường